

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 06-3-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Suốt

2. Bà Nguyễn Ngọc Diễm

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C: Ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 209/2022/TLST-HNGĐST ngày 16/11/2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 51/13 đường Nguyễn Truyền Thanh, Khu vực 5, phường B, quận B, thành phố C. Có mặt

Bị đơn: Bà **Lê Đặng Thanh G**, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 51/13 đường Nguyễn Truyền Thanh, Khu vực 5, phường B, quận B, thành phố C; địa chỉ liên lạc: Ấp Trường Đông B, xã Tân Th, huyện Phong Đ, thành phố C. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Huỳnh Thu Ng**, Công ty luật Anh S, Đoàn luật sư thành phố C. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đặng Phùng Đan Th**, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp Trường Đông B, xã Tân Th, huyện Phong Đ, thành phố C. Có mặt

Người có quyền và lợi ích cần được bảo vệ: Cháu Nguyễn Hùng D, sinh ngày 28/9/2018 hiện đang sống cùng bà G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Xuân H trình bày và yêu cầu: Ông và bà Lê Đặng Thanh G có quen biết, tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận B, thành phố C vào ngày 18/9/2015. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống rất hạnh phúc. Vào đầu năm 2020 vợ chồng ông thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đồng thời, ông phát hiện vợ ông không chung thủy nhưng ông vẫn chấp nhận bỏ qua để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con. Đến ngày 02/8/2022 ông phát hiện vợ ông có biểu hiện không chung thủy, vẫn phản bội nên vợ chồng đã ly thân được 3 tháng. Ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc không thể hàn gắn tình cảm gia đình. Vợ chồng ông có 01 người con chung tên Nguyễn Hùng D (nam), sinh ngày 28/9/2018. Từ lúc sinh ra, con sống chung với vợ chồng ông và được bố mẹ ruột của ông nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy bảo rất tốt tại địa chỉ số 51/13 đường Nguyễn Truyền Thanh, Khu vực 5, phường B, quận B, thành phố C. Khi ly thân ông và bố mẹ ruột ông yêu cầu vợ ông để con cho ông được quyền chăm sóc, nuôi dạy con là bé Nguyễn Hùng D nhưng bà G không đồng ý tự động dẫn con về nhà cha mẹ ruột của vợ tại địa chỉ ấp Trường Đông B, xã Tân Th, huyện Phong Đ, thành phố C sinh sống cho đến nay. Vợ chồng ông không thống nhất được quyền nuôi con do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Lê Đặng Thanh G.
- Con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hùng D (nam), sinh ngày 28/9/2018, không yêu cầu bà Lê Đặng Thanh G phải cấp dưỡng cho con chung.
- Tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Đặng Thanh G có ý kiến: Đồng ý ly hôn với ông H, tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình ông H đưa ra là không có căn cứ. Thực tế, quá trình chung sống, ông H không quan tâm đến vợ con, cuộc sống chung với gia đình chồng bà có nhiều áp lực nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Giữa bà với ông H có một con chung tên Nguyễn Hùng D (nam), sinh ngày 28/9/2018. Từ khi sinh cháu ra cho đến nay, bà chăm sóc cháu rất chu đáo. Kể từ khi ly thân cho đến nay thì bà và con đã về nhà cha mẹ ruột bà ở. Bà vẫn đi làm và về nhà hàng ngày nên có đủ thời gian đưa rước đi học và chăm sóc con. Khi còn chung sống bên nhà cha mẹ chồng thì bà cũng đi làm và đi về mỗi buổi để chăm con. Sau khi bà về sống với cha mẹ ruột thì cha mẹ bà có hỗ trợ chăm sóc con. Mức lương

của bà đủ để nuôi con từ khi sinh ra đến hiện tại nên đề nghị giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà G có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Chia đôi 01 cây vàng cưới nhà chồng cho lúc đám cưới, lấy vàng hoặc lấy tiền tùy theo thỏa thuận với chồng tôi (ông Nguyễn Xuân H). Nếu ông Nguyễn Xuân H lấy vàng thì đồng ý hoàn tiền và ngược lại;

2. Chia đôi quyền sử dụng đất có diện tích 200m² tại thửa đất số 598, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08898 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C cấp ngày 21 tháng 5 năm 2021;

3. Chia đôi 02 chỉ vàng 24K do hai vợ chồng mới đập ống heo mua vào tháng 7/2022 và vàng 18K của con trai do bà ngoại mua tặng cháu lúc đám đầy tháng, thôi nôi và sinh nhật.

4. Yêu cầu chia nợ chung: Ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Phùng Đan Th $\frac{1}{2}$ số tiền vợ chồng đã mượn để mua đất là 100.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2023 bà G rút lại một phần yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất vì đã thỏa thuận xong. Và không yêu cầu giải quyết nợ chung vì đã trả xong.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Phùng Đan Th có ý kiến:
Bà hiện tại đang là giáo viên theo hợp đồng thời vụ của trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, phường Tr, quận ÔM, thành phố C, từ nhà tôi đến trường dạy đi khoảng 05 phút. Một tuần tôi dạy 05 buổi, còn chồng bà cũng là giáo viên chính thức của trường tiểu học Nguyễn Tri Phương tại phường Tr, quận ÔM, thành phố C. Thời gian vợ chồng bà đi dạy, Giang đi làm thì cháu Dũng cũng đi học tại trường mầm non Tr, gần trường bà đang dạy. Mỗi buổi sáng G đi làm sẽ đưa cháu D đi học, chiều vợ chồng bà rước cháu về. Ngày 24/11/2022 bà Th có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà G, ông H trả số tiền 200.000.000 đồng đã mượn. Ngày 06/02/2023 bà Th đã rút lại đơn yêu cầu độc lập vì các con đã trả tiền cho bà xong nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Xuân H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Ông H cho rằng, ông gia đình ông đang sinh sống cùng cha mẹ và gia đình một người anh, tổng cộng có 07 người. Trong đó, có 02 cháu nhỏ có độ tuổi từ 02 đến 07 tuổi nên khi cháu D sống chung thì có anh em chơi cùng và gia đình ông sẽ hỗ trợ ông trong việc chăm sóc con chung sau ly hôn; hiện tại mức lương của ông khoảng 12.000.000 đồng. Ngoài ra, ông có thuê người làm ở tiệm sửa xe nên tổng thu nhập khoảng 17.000.000 đồng/tháng. Còn gia đình bà G ở Phong Đ, gần nhà có ít trẻ em nên bé D thường xuyên chơi một mình. Gia đình bà G không có nhiều thời gian để chăm sóc con. Trên địa bàn ông sống thì có

nhiều khu vui chơi, trường học nên có điều kiện tốt để bé D vui chơi học tập tốt hơn so với ở với bà G. Do đó, ông yêu cầu được nuôi con chung mà không yêu cầu bà G cấp dưỡng cho con.

Bị đơn có ý kiến: Bản thân bà luôn mong muốn đoàn tụ gia đình, tuy nhiên, do ông H kiên quyết ly hôn nên bà giữ nguyên yêu cầu nuôi con chung. Hiện tại, bà và con chung đã về huyện Đ sống được 08 tháng nay, cháu được đi học đã quen trường lớp. Bé được chăm sóc đầy đủ, phát triển tốt. Ngoài tiền lương chính thức bà nhận được khi đi làm thì bà có bán hàng online nên bà có đủ khả năng để nuôi con chung. Tuy nhiên, để tạo sự gắn kết giữa ông H với cháu D sau thời gian ông bà ly hôn thì bà đề nghị nguyên đơn cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà rút toàn bộ yêu cầu phân tố chia tài sản chung, nợ chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Mặc dù, cả nguyên đơn, bị đơn đều có điều kiện chăm sóc con, tuy nhiên, hiện tại con chung còn nhỏ nên rất cần sự yêu thương, chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Lê Đặng Thanh G trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc bà G yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con chung là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Bà Đặng Phùng Đan Th rút toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về hình thức: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay là đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án xét xử đúng quan hệ tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng. Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét về điều kiện kinh tế thì cả nguyên đơn, bị đơn đều có đủ điều kiện để chăm sóc con. Việc ông H cung cấp vi bằng thể hiện cháu D muốn ở với cha là ông H và bà Nội là diễn ra trong thời gian trước đó, tuy nhiên, hiện tại cháu D đã về sống cùng bà G hơn 08 tháng nay đã ổn định nên tránh sự xáo trộn về điều kiện sống của con chung thì cần thiết giao con cho bà G nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng, bà G yêu cầu 2.000.000 đồng so với mức thu nhập 12.000.000 đồng của ông H là phù hợp theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*”; bà Lê Đặng Thanh G có nơi cư trú tại số 51/13 đường Nguyễn Truyền Thanh, Khu vực 5, phường B, quận B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thủy.

[2] Bà Lê Đặng Thanh G rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Bà Đặng Phùng Đan Th rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập đòi bà G, ông H trả số tiền 200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà G đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, Tòa án đã cho đương sự thời gian suy nghĩ hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được, cả hai đã thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: Giữa ông H, bà G có 01 con chung tên Nguyễn Hùng D, sinh ngày 28/9/2018, giới tính nam. Ông H và bà G đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H, bà G hiện tại đều công tác trong cơ quan hành chính nhà nước, thời gian đi làm là gần như nhau; ông H đang sống cùng cha mẹ đã về hưu, bà G cũng vậy nên xét về điều kiện chăm sóc con và người hỗ trợ là như nhau; Về kinh tế: Ông H có mức lương thực lãnh hơn 12.000.000 đồng, bà G là khoảng 6.000.000 đồng, tuy nhiên, bà G có bán hàng online kiếm thêm thu nhập nên mỗi người đều có đủ khả năng kinh tế để chăm lo cho con; Ông H có cung cấp chứng cứ cho rằng bà G có hành vi không chung thủy trong quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Hữu Th1 tuy nhiên, vợ chồng ông Th1, bà Đặng Thùy L1 đã có văn bản xác nhận không có sự việc như ông H đã nêu nên trình bày của ông H là không có căn cứ;

[6] Hiện tại, cháu Nguyễn Hùng D, đang sống cùng bà Lê Đặng Thanh G tại xã Tân Th, huyện Phong Đ. Cháu có đi học mẫu giáo được giáo viên xác nhận cháu ngoan, lễ phép, bà G có đưa đón hàng ngày. Và theo Vi bằng số 53/2023/VB-TPLCT ngày 20/02/2023 của Thừa phát lại C ghi nhận về cuộc sống, sinh hoạt thường ngày của bé Dũng thì tinh thần cháu vui vẻ, được yêu thương chăm sóc tốt.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu D sinh ngày 28/9/2018 tính đến nay chưa tròn 05 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, đồng hành của người mẹ cả về thể chất và tinh thần. Hiện tại, cháu D đang sống cùng bà G. Để

tránh sự xáo trộn về tâm lý, điều kiện sống, điều kiện học tập và tránh ảnh hưởng về sự phát triển của cháu nên cần giao Dững cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Xét yêu cầu của bà G về việc buộc ông H cấp dưỡng cho con chung là 2.000.000 đồng so với mức thu nhập 12.000.000 đồng của ông H được nhận là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[9] Đối với ông Nguyễn Xuân H: Mặc dù, ông H rất thương con, có điều kiện kinh tế tốt để chăm lo cho con, tuy nhiên, vì sự phát triển tốt nhất của con chung thì ông H có quyền cấp dưỡng cho con chung nhiều hơn số tiền 2.000.000 đồng để chăm lo cho cháu. Ngoài ra, ông H còn được quyền chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có căn cứ cho rằng, bà G có hành vi ngăn cản ông thực hiện quyền của mình hoặc có căn cứ cho rằng bà G không có đủ điều kiện chăm sóc con chung thì ông có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông H.

[10] Về tài sản chung, nợ chung: Các tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con chung. Bà Lê Đặng Thanh G, Đặng Phùng Đan Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H.

- Hôn nhân: Ghi nhận việc ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Đặng Thanh G đồng ý ly hôn với nhau.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu nuôi con chung.

+ Xử giao con chung tên Nguyễn Hùng D, sinh ngày 28/9/2018 (giới tính

nam) cho bà Lê Đặng Thanh G trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H phải cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung theo quy định.

+ Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H không ai được quyền ngăn cản.

- Tài sản chung, nợ chung: Đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Lê Đặng Thanh G về việc chia tài sản chung, nợ chung.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Phùng Đan Th về việc yêu cầu bà G, ông H trả 200.000.000 đồng.

4. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con chung, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002825 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố C thành án phí phải nộp. Ông H phải nộp thêm 300.000 đồng.

Bà Lê Đặng Thanh G được nhận lại 11.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002864 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

Bà Đặng Phùng Đan Th được nhận lại 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002865 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. B;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên

